

*H.T.*  
H.T.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Văn Sĩ	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/05/2017
Ông Nguyễn Bá Linh	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/04/2017
Ông Cao Tiến Hùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/12/2015
Ông Trần Văn Kế	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2017

#### **Ban Giám đốc**

Ông Cao Tiến Hùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/07/2015
Ông Trần Văn Sĩ	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/04/2017
Ông Nguyễn Thế Thông	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Trần Văn Kế	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/09/2017

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH

Số 27A, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



---

**Cao Tiên Hùng**

Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Số: 216/2018/BCKT-PB.00006

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh được lập ngày 22 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phạm Tuấn Vũ**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'L' followed by a cursive flourish.

**Lê Viết Cường**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>42.749.147.300</b>	<b>45.089.349.948</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.817.384.976</b>	<b>15.253.124.751</b>
1. Tiền	111		817.384.976	14.253.124.751
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	1.000.000.000
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.870.986.763</b>	<b>23.025.366.783</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	23.948.742.072	20.887.333.576
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	56.400.000	41.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.009.991.191	2.934.346.457
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(144.146.500)	(837.313.250)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>11.060.775.561</b>	<b>6.810.858.414</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.060.775.561	6.810.858.414
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.098.609.276</b>	<b>12.414.031.303</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.309.725.383</b>	<b>10.836.265.323</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	9.309.725.383	10.836.265.323
- Nguyên giá	222		25.567.631.902	25.567.631.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.257.906.519)	(14.731.366.579)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>788.883.893</b>	<b>1.577.765.980</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	788.883.893	1.577.765.980
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>52.847.756.576</b>	<b>57.503.381.251</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017	01/01/2017
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.126.715.620</b>	<b>41.033.838.967</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.126.715.620</b>	<b>41.033.838.967</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	13.646.237.323	17.983.165.117
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	2.875.656.000	2.875.656.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.770.320.109	1.916.799.863
4. Phải trả người lao động	314		15.285.929.748	13.617.717.570
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	1.687.280.747	538.665.109
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	287.277.787	2.727.168.686
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	480.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		574.013.906	894.666.622
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.721.040.956</b>	<b>16.469.542.284</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>16.721.040.956</b>	<b>16.469.542.284</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.920.000.000	14.920.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.920.000.000	14.920.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		154.000.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.647.040.956	1.549.542.284
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.647.040.956	1.549.542.284
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>52.847.756.576</b>	<b>57.503.381.251</b>



Cao Tiên Hùng  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Vương Thừa Tiệp  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Thảo  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH

Số 27A, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2017	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	102.267.801.860	107.056.728.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.267.801.860	107.056.728.185
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	93.426.813.114	95.655.836.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.840.988.746	11.400.892.179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	686.706.571	792.526.358
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.962.084	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.962.084	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.536.304.454	10.087.755.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.987.428.779	2.105.662.839
11. Thu nhập khác	31	6.6	100.000.000	31.914.050
12. Chi phí khác	32	6.7	23.002.067	183.974.090
13. Lợi nhuận khác	40		76.997.933	(152.060.040)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.064.426.712	1.953.602.799
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	417.385.756	404.060.515
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.647.040.956	1.549.542.284
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.104	1.039
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.104	1.039



Cao Tiên Hùng  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Vương Thừa Tiệp  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Thảo  
Người lập biểu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	MS	Năm 2017	Đơn vị tính: VND Từ ngày 08/01/2016 đến 31/12/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.064.426.712	1.953.602.799
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.517.262.940	1.563.644.996
- Các khoản dự phòng	03	(693.166.750)	1.317.313.250
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(686.706.571)	(792.526.358)
- Chi phí lãi vay	06	3.962.084	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.205.778.415	4.042.034.687
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.152.453.230)	2.442.268.241
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.249.917.147)	(70.618.321)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(4.575.222.916)	(5.259.932.322)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	788.882.087	788.902.087
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.962.084)	-
- Thuế TNDN đã nộp	15	(428.633.471)	(504.915.472)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.404.494.903
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(662.518.000)	(5.873.092.403)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9.078.046.346)</b>	<b>969.141.400</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	686.706.571	792.526.358
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>686.706.571</b>	<b>792.526.358</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.044.400.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.044.400.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(9.435.739.775)</b>	<b>1.761.667.758</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>15.253.124.751</b>	<b>13.491.456.993</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.817.384.976</b>	<b>15.253.124.751</b>



Cao Tiến Hùng  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Vương Thừa Tiệp  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Thảo  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900330702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01/12/2010, đăng ký thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/05/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 27A đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 02 là 14.920.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng).

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

#### 1.4 Cấu trúc Công ty

##### Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp sản xuất vật liệu và xây dựng Công trình	Số 27B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
Các tài sản khác	03 - 10 năm

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 2347/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.11 Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.13 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	5.778.125	283.663.054
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	811.606.851	13.969.461.697
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	1.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.817.384.976</b>	<b>15.253.124.751</b>

(i) Khoản tiền gửi tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,3%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.2 Phải thu khách hàng****5.2.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (i)	22.297.833.305	-	18.475.365.345	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	-	-	815.516.931	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	993.443.067	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	657.465.700	(144.146.500)	1.596.451.300	(837.313.250)
<b>Cộng</b>	<b>23.948.742.072</b>	<b>(144.146.500)</b>	<b>20.887.333.576</b>	<b>(837.313.250)</b>

(i) Khoản phải thu về các công trình sửa chữa thường xuyên và các công trình khác.

**5.2.2 Nợ xấu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ban quản lý dự án Công trình giao thông Nghệ An	-	-	419.901.600	-
Công ty Cổ phần Công trình 6	144.146.500	-	744.146.500	326.734.850
<b>Cộng</b>	<b>144.146.500</b>	<b>-</b>	<b>1.164.048.100</b>	<b>326.734.850</b>

**5.2.3 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	22.297.833.305	-	18.475.365.345	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	993.443.067	-	-	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	-	-	815.516.931	-
<b>Cộng</b>	<b>23.291.276.372</b>	<b>-</b>	<b>19.290.882.276</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Quốc Bảo	-	-	41.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Xuân Trường	56.400.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>56.400.000</b>	<b>-</b>	<b>41.000.000</b>	<b>-</b>

**5.4 Phải thu khác****5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.352.789.100	-	1.352.789.100	-
Tạm ứng cho CBCNV	64.064.900	-	98.767.680	-
Chi phí trật bánh tàu	-	-	859.660.000	-
Chi phí thu gom vật tư thu hồi	-	-	338.688.180	-
Ký quỹ, ký cược	584.323.797	-	270.714.000	-
Các khoản phải thu khác	8.813.394	-	13.727.497	-
<b>Cộng</b>	<b>2.009.991.191</b>	<b>-</b>	<b>2.934.346.457</b>	<b>-</b>

**5.4.2 Phải thu khác của các bên liên quan**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.352.789.100	-	1.352.789.100	-
<b>Cộng</b>	<b>1.352.789.100</b>	<b>-</b>	<b>1.352.789.100</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.509.869.633	-	2.276.528.905	-
Công cụ, dụng cụ	374.052.416	-	205.582.323	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.176.853.512	-	4.328.747.186	-
<b>Cộng</b>	<b>11.060.775.561</b>	<b>-</b>	<b>6.810.858.414</b>	<b>-</b>

**Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Đường chính tuyến (i)	5.102.603.736	-
Công trình Khắc phục hậu quả lũ lụt Km 370+0- Km 403+00	-	965.607.411
Công trình Đường ngang Km289+515	1.253.993.196	1.253.993.196
Công trình Đường sắt đô thị Hà Nội- tuyến Cát Linh- Hà Đông	564.622.135	1.275.273.640
Công trình Sửa chữa lớn Đường sắt Km 306+000- Km 311	259.528.612	-
Công trình Sửa chữa trật bánh tàu GS2T1-T9.2014( XK SG)	859.660.000	-
Các công trình khác	1.136.445.833	833.872.939
<b>Cộng</b>	<b>9.176.853.512</b>	<b>4.328.747.186</b>

(i) Đường chính tuyến thuộc tuyến đường sắt thống nhất nằm trong hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH

Số 27A, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2017	13.509.765.068	3.537.224.737	7.742.019.606	363.464.466	415.158.025	25.567.631.902
Số dư tại 31/12/2017	<u>13.509.765.068</u>	<u>3.537.224.737</u>	<u>7.742.019.606</u>	<u>363.464.466</u>	<u>415.158.025</u>	<u>25.567.631.902</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư tại 01/01/2017	7.115.199.881	2.168.826.113	4.754.920.063	288.853.867	403.566.655	14.731.366.579
Khấu hao trong năm	552.846.996	289.191.000	648.936.944	26.288.000	9.277.000	1.526.539.940
Số dư tại 31/12/2017	<u>7.668.046.877</u>	<u>2.458.017.113</u>	<u>5.403.857.007</u>	<u>315.141.867</u>	<u>412.843.655</u>	<u>16.257.906.519</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2017	6.394.565.187	1.368.398.624	2.987.099.543	74.610.599	11.591.370	10.836.265.323
Số dư tại 31/12/2017	<u>5.841.718.191</u>	<u>1.079.207.624</u>	<u>2.338.162.599</u>	<u>48.322.599</u>	<u>2.314.370</u>	<u>9.309.725.383</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

758.966.476

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ đánh giá lại (*)	210.878.806	421.759.416
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	578.005.087	1.156.006.564
<b>Cộng</b>	<b>788.883.893</b>	<b>1.577.765.980</b>

(\*) Công cụ dụng cụ đánh giá lại và Lợi thế kinh doanh theo Quyết định số 2347/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014. Công cụ dụng cụ đánh giá lại và giá trị lợi thế kinh doanh được công ty phân bổ trong 03 năm.

### 5.8 Phải trả người bán

#### 5.8.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	1.628.896.709	1.628.896.709	1.227.797.170	1.227.797.170
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	-	-	309.382.665	309.382.665
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	3.775.200.000	3.775.200.000	3.056.897.818	3.056.897.818
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	823.929.000	823.929.000	3.281.726.000	3.281.726.000
Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	3.740.962.800	3.740.962.800	3.308.030.963	3.308.030.963
Xí nghiệp vật tư Tổng hợp Vinh	1.159.230.905	1.159.230.905	2.655.929.619	2.655.929.619
Công ty TNHH thiết bị Công Nghiệp Nam Việt	1.546.731.768	1.546.731.768	-	-
Các đối tượng khác	971.286.141	971.286.141	4.143.400.882	4.143.400.882
<b>Cộng</b>	<b>13.646.237.323</b>	<b>13.646.237.323</b>	<b>17.983.165.117</b>	<b>17.983.165.117</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.8.2 Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	1.628.896.709	1.628.896.709	1.227.797.170	1.227.797.170
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	-	-	309.382.665	309.382.665
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	823.929.000	823.929.000	3.281.726.000	3.281.726.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	7.426.000	7.426.000	6.880.000	6.880.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	130.309.494	130.309.494	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.590.561.203</b>	<b>2.590.561.203</b>	<b>4.825.785.835</b>	<b>4.825.785.835</b>

**5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Xuân Trường	1.930.030.000	1.930.030.000	1.930.030.000	1.930.030.000
Các đối tượng khác	945.626.000	945.626.000	945.626.000	945.626.000
<b>Cộng</b>	<b>2.875.656.000</b>	<b>2.875.656.000</b>	<b>2.875.656.000</b>	<b>2.875.656.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.10 Phải trả khác****5.10.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	24.456.134	24.456.134	52.815.060	52.815.060
Phải trả về cổ phần hóa	-	-	467.964.905	467.964.905
Các khoản phải trả, phải nộp khác	136.591.000	136.591.000	1.873.682.895	1.873.682.895
<i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	-	-	1.689.572.711	1.689.572.711
Đoàn phí Công đoàn	23.901.000	23.901.000	53.646.000	53.646.000
Kho bạc Nhà nước	-	-	28.894.184	28.894.184
Tiền độc hại	112.690.000	112.690.000	101.570.000	101.570.000
Các đối tượng khác	126.230.653	126.230.653	332.705.826	332.705.826
<b>Cộng</b>	<b>287.277.787</b>	<b>287.277.787</b>	<b>2.727.168.686</b>	<b>2.727.168.686</b>

**5.10.2 Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	1.689.572.711	1.689.572.711
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.689.572.711</b>	<b>1.689.572.711</b>

**5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b> VND	<b>01/01/2017</b> VND
Trích trước chi phí thuê máy móc thi công Công trình sửa chữa cầu Hói Km 337+048	-	170.000.000
Trích trước chi phí mua vật tư thi công Công trình sửa chữa Cầu Hói	-	318.665.109
Trích trước chi phí tư vấn tài chính của công ty Apect	-	50.000.000
Trích trước chi phí thuê đất năm 2016-2017	1.608.154.892	-
Chi phí thuê dầm công trình Sửa chữa lớn cầu Km 328	79.125.855	-
<b>Cộng</b>	<b>1.687.280.747</b>	<b>538.665.109</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH

Số 27A, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.509.653.999	6.337.460.428	6.304.123.988	-	1.542.990.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	260.666.110	428.633.471	417.385.756	-	271.913.825
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	101.895.599	-	-	101.895.599
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.770.320.109</b>	<b>6.867.989.498</b>	<b>6.721.509.744</b>	<b>-</b>	<b>1.916.799.863</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH  
Số 27A, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.13 Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>14.920.000.000</b>	-	-	<b>14.920.000.000</b>
Tăng vốn trong năm trước		-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	1.549.542.284	1.549.542.284
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>14.920.000.000</b>	-	<b>1.549.542.284</b>	<b>16.469.542.284</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>14.920.000.000</b>	-	<b>1.549.542.284</b>	<b>16.469.542.284</b>
Trích lập quỹ (i)	-	154.000.000	-	154.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	1.647.040.956	1.647.040.956
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(1.549.542.284)	(1.549.542.284)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>14.920.000.000</b>	<b>154.000.000</b>	<b>1.647.040.956</b>	<b>16.721.040.956</b>

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017 thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2016. Chi tiết:

	Năm 2016
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	281.142.284
Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	70.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	154.000.000
Chia cổ tức	1.044.400.000
<b>Tổng</b>	<b>1.549.542.284</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH

Số 27A, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	760.920	7.609.200.000	51%	760.920	7.609.200.000	51%
Các cổ đông khác	731.080	7.310.800.000	49%	731.080	7.310.800.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.492.000</b>	<b>14.920.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.492.000</b>	<b>14.920.000.000</b>	<b>100%</b>

### Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Từ ngày 08/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	14.920.000.000	14.920.000.000
Vốn góp cuối năm	14.920.000.000	14.920.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.044.400.000</b>	-

### Cổ phiếu

	Năm 2017	Từ ngày 08/01/2016 đến 31/12/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.492.000</b>	<b>1.492.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.492.000</b>	<b>1.492.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.492.000	1.492.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.492.000</b>	<b>1.492.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.492.000	1.492.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu duy tu, sửa chữa thường xuyên các công trình đường sắt	87.866.092.411	95.252.485.245
Doanh thu các công trình khác	14.401.709.449	11.804.242.940
<b>Cộng</b>	<b>102.267.801.860</b>	<b>107.056.728.185</b>

##### 6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	89.532.234.229	98.023.315.245
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	825.610.909	2.593.691.765
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	903.130.061	-
<b>Cộng</b>	<b>91.260.975.199</b>	<b>100.617.007.010</b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn xây dựng duy tu, sửa chữa thường xuyên các công trình đường sắt	79.376.405.966	83.856.096.352
Giá vốn các công trình khác	14.050.407.148	11.799.739.654
<b>Cộng</b>	<b>93.426.813.114</b>	<b>95.655.836.006</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	686.706.571	792.526.358
	<b>686.706.571</b>	<b>792.526.358</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	3.962.084	-
<b>Cộng</b>	<b>3.962.084</b>	<b>-</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.216.180.000	7.102.986.630
Chi phí khấu hao TSCĐ	383.848.566	417.858.290
Thuế, phí và lệ phí	57.353.017	57.490.179
Chi phí dự phòng	(693.166.750)	-
Chi phí bằng tiền khác	572.089.621	2.509.420.599
<b>Cộng</b>	<b>7.536.304.454</b>	<b>10.087.755.698</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	31.914.050
Tiền thưởng thi công đường sắt tuyến Cát Linh - Hà Đông	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>31.914.050</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị vật tư thu hồi thanh lý	-	34.471.909
Bồi thường gây chậm tàu theo QĐ 438/QĐ-ĐS	500.000	27.524.775
Tiền nộp ngân sách nhà nước chi phí mua động cơ điện và cần chắn	-	85.349.000
Giảm trừ quyết toán các công trình	-	19.758.406
Chi phí khác	22.502.067	16.870.000
<b>Cộng</b>	<b>23.002.067</b>	<b>183.974.090</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.064.426.712</b>	<b>1.953.602.799</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>22.502.067</b>	<b>11.724.775</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	22.502.067	11.724.775
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>2.086.928.779</b>	<b>1.965.327.574</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>		
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN</b>	<b>417.385.756</b>	<b>393.065.515</b>
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>417.385.756</b>	<b>393.065.515</b>
Cục thuế Nghệ An truy thu thuế TNDN theo QĐ 482 ngày 25/03/2016	-	10.995.000
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>417.385.756</b>	<b>404.060.515</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.914.171.653	35.389.853.260
Chi phí nhân công	56.131.159.333	52.540.291.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.517.262.940	1.563.644.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.492.587.778	10.835.653.692
Chi phí khác bằng tiền	4.983.911.759	6.559.511.535
<b>Cộng</b>	<b>103.039.093.463</b>	<b>106.888.955.358</b>

**7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.817.384.976	-	-	5.817.384.976
Phải thu khách hàng	23.804.595.572	-	-	23.804.595.572
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	2.009.991.191	-	-	2.009.991.191
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.631.971.739</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.631.971.739</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.253.124.751	-	-	15.253.124.751
Phải thu khách hàng	20.050.020.326	-	-	20.050.020.326
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	2.934.346.457	-	-	2.934.346.457
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.237.491.534</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.237.491.534</b>

Công ty xây dựng chính-sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHỆ TĨNH

Số 27A, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	13.646.237.323	-	-	13.646.237.323
Chi phí phải trả	1.687.280.747	-	-	1.687.280.747
Phải trả khác	287.277.787	-	-	287.277.787
<b>Cộng</b>	<b>15.620.795.857</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.620.795.857</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	17.983.165.117	-	-	17.983.165.117
Chi phí phải trả	538.665.109	-	-	538.665.109
Phải trả khác	2.727.168.686	-	-	2.727.168.686
<b>Cộng</b>	<b>21.248.998.912</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.248.998.912</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 7.4 Thông tin về các bên liên quan

#### 7.4.1 Danh sách bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Công ty con trực thuộc TCT
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con trực thuộc TCT
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con trực thuộc TCT
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Công ty con trực thuộc TCT



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 7.4.2 Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	
<b>Tổng công ty Đường sắt Việt Nam</b>	
Chi phí thuê nhà lưu trú, nhà cung cầu, cung đường	499.290.689
Thanh toán tiền thuê tài sản nhà cung cầu, cung đường	498.554.349
Thanh toán tiền thuê máy móc thiết bị TCT	1.163.923.160
<b>Công ty CP ĐS Hà Hải</b>	
Kiểm tra chất lượng kỹ thuật bằng máy đo chuyên dụng EM 120 năm 2017	7.426.000
Kiểm tra chất lượng kỹ thuật đường bằng máy đo Matisa	6.880.000
<b>Công ty CP ĐS Thanh Hóa</b>	
Thanh toán tiền thuê máy thi công	2.323.929.000
<b>Công ty CP ĐS Quảng Bình</b>	
Thanh toán tiền thi công, nâng dặt máy chèn	799.580.425
<b>Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát và Kế toán trưởng</b>	<b>1.582.080.000</b>

### 7.4.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

### 7.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 08/01/2016 đến ngày 31/12/2016 do từ ngày 08/01/2016 công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900330702



Cao Tiến Hùng  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Vương Thừa Tiệp  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Thảo  
Người lập biểu